|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Trường: .....................................  Họ và tên....................................  Lớp:………………………........  Phòng: ...........SBD: .................. | **KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CK II**  Môn: Tiếng Việt Lớp: 3  Thời gian làm bài: 75 phút  Ngày kiểm tra:………..... | GT kí: | Số mật mã: |
| STT: |

.....................................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểm: | Chữ ký giám khảo 1 | Chữ ký giám khảo 2 | Số mật mã: |
| STT: |

**PHẦN I: KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)**

**I.Đọc thành tiếng (4 điểm)**

**1- Hình thức kiểm tra:** Học sinh bắt thăm phiếu (do giáo viên chuẩn bị) để chọn bài đọc.

**II. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)**

**Con búp bê bằng vải**

Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi. Mẹ bảo Thủy chọn một món đồ đồ chơi em thích nhất. Đi dọc gần hết phố đồ chơi, cô bé nhìn hoa cả mắt, vẫn không biết nên mua gì vì thứ nào em cũng thích. Đến cuối phố, thấy một bà cụ tóc bạc ngồi bán những con búp bê bằng vải giữa trời giá lạnh, Thủy kéo tay mẹ dừng lại. Bà cụ nhìn hai mẹ con Thủy, cười hiền hậu:

- Cháu mua búp bê cho bà đi!

Thủy nhìn bà, rồi chỉ vào con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau:

- Mẹ mua con búp bê này đi!

Trên đường về mẹ hỏi Thủy:

- Sao con lại mua con búp bê này?

Thủy cười:

- Vì con thương bà. Bà già bằng bà nội, mẹ nhỉ? Trời lạnh thế mà bà không được ở nhà, con mua búp bê cho bà vui.

**Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1: Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi để làm gì? M1**

A. Để Thủy được nhìn ngắm đồ chơi.

B. Để Thủy được chọn mua đồ chơi nhiều tiền nhất.

C. Để Thủy được chọn mua món đồ chơi em thích nhất.

**Câu 2: Vì sao đi gần hết phố, Thủy vẫn chưa mua được quà gì? M1**

A. Vì Thủy hoa mắt , chóng mặt, không muốn chọn gì.

B. Vì đồ chơi nhiều đến hoa mắt , thứ gì Thủy cũng thích.

C. Vì nhiều đồ chơi nhưng đồ chơi nào cũng không đẹp.

**Câu 3: Thủy đã chọn mua món quà có đặc điểm gì? M1**

A. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông.

B. Con búp bê mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.

C. Con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai con mắt được chấm mực không đều nhau.

**Câu 4: Vì sao Thủy mua con búp bê vải? M2**

Đúng ghi Đ, sai ghi S vào mỗi ô trống sau:

A. Vì đó là món quà đẹp nhất.

B. Vì em thương bà cụ bán hàng dưới trời lạnh.

**Câu 5: Qua câu chuyện trên em học tập được đức tính gì ở Thủy, để có thể vận dụng vào cuộc sống? M3**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 6: Đặt câu có hình ảnh so ánh: M3**

……………………………………………………………………………………………….

**Câu 7: Tìm hai cặp từ có nghĩa giống nhau : M2**

……………………………………………………………………………………………….

**Câu 8: Dấu gạch ngang trong bài “ *Con búp bê bằng vải*” dùng để làm gì? M2**

A. Báo hiệu phần liệt kê.

B. Đánh dấu lời đối thoại.

C. Báo hiệu phần giải thích.

**Câu 9:**

**a) Đặt dấu câu thích hợp vào ô trống: M2**

Sáng hôm ấy tôi ra vườn ngắm nhìn những bông hoa hồng hoa lan đang đua nhau khoe sắc.

**b**) Câu “***Ngày sinh nhật Thủy****, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi*.” Bộ phận được in đậm trả lời cho câu hỏi: **M2**

A. Khi nào? B. Ở đâu? C. Bằng gì?

**B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10đ):**

**I. Chính tả** (4đ):

**Cây hoa nhài**

Hương nhài thơm, một mùi thơm nồng nàn. Cây nhài sống một cách thảnh thơi, yên bình. Nó chẳng hề bị cây cỏ nào chen lấn. Đất bùn ao phơi khô đập tơi, trộn lẫn với cám và phân lân, là nguồn sống no đủ của nó. Nước vo gạo pha loãng, nước luộc ốc, mẹ vẫn đem tưới tắm cho nhài mỗi ngày.

**II. Tập làm văn** (6đ):

Viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Đáp án**

**II. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | |
| C  0,5 | B  0,5 | C  0,5 | a) S  0,25 | b) Đ  0,25 | Thương người, quan tâm, giúp đỡ…….. 0,5 | 1 | 0,5 | B  0,5 | a) 2 dấu phẩy  0,5 | b) A  0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT. LỚP 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kĩ năng** | **NỘI DUNG** | **Số điêm** | **MỨC 1** | | **MỨC 2** | | **MỨC 3** | | **Tổng điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Đọc tiếng &**  **Đọc hiểu**  (ngữ liệu truyện đọc 195- 200 chữ) | Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe, nói. | - Đọc 70-80 tiếng/phút  - Sau khi HS đọc thành tiếng xong, GV đặt 01 câu hỏi để HS trả lời (Kiểm tra kĩ năng nghe, nói) | | | | | | | **4** |
| Đọc hiểu văn bản | 2đ | Câu 1,2,3 |  | Câu 4 |  |  |  | **6** |
| Vận dụng hiểu biết vào thực tiễn | 1đ |  |  |  |  |  | Câu 5 |
| - Biện pháp tu từ so sánh. | 1đ |  |  |  |  |  | Câu 6 |
| - Từ có nghĩa giống nhau, trái ngược nhau. | 0,5đ |  |  |  | Câu 7 |  |  |
| - Dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu hai chấm, dấu phẩy  - Câu cảm, câu khiến, câu kể, câu hỏi.  - Đặt và trả lời cho câu hỏi: Khi nào? Ở đâu? Bằng gì? Để làm gì? | 0,5đ |  |  | Câu 8 |  |  |  |
| 1đ |  |  | Câu 9 b | Câu 9 a |  |  |
| **Viết**  **(CT-TLV)** | Chính tả | Viết bài | Nghe – viết đoạn văn 65-70 chữ/15 phút | | | | | | **4** |
| Viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường. | | Viết đoạn văn ngắn 6-8 câu theo chủ đề đã học | | | | | | **6** |